

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 17/8/2023.
V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Hữu và bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Biện Thị Uyển Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân A - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1966; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1963; Có mặt.

Cùng trú tại: : Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Vũ Thị M trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Như T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988. Thời điểm đó do ông T từ Bình Thuận sang Đồng Nai lập nghiệp, giấy tờ hộ khẩu không đầy đủ nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn được. Thời gian đầu bà M và ông T chung sống cùng nhau ở Đồng Nai. Đến năm 2005 bà M và ông T chuyển đến xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận lập nghiệp. Năm 2007, ông T, bà M mới chính thức nhập hộ khẩu về xã S và sinh sống ổn định cho tới nay.

Trong quá trình chung sống bà M và ông T thường xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân xuất phát từ tính cách gia trưởng của ông T. Thời gian trước đây bà M đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án một lần. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết thì ông T có yêu cầu bà M rút đơn để về chung sống nên bà M đã rút đơn. Thời gian gần đây, ông T yêu cầu bà M ly hôn thì cả hai đã thỏa thuận thống nhất ly hôn không chung sống với nhau

nữa. Do đó bà M làm đơn ly hôn nộp tại Tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà M và ông T sinh được ba người con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; Nguyễn Như Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1998. Các con của bà M và ông T hiện nay đều đã trưởng thành trong đó hai người con lớn đã lập gia đình còn một người con nhỏ còn sống chung với cha mẹ.

Về tài sản chung: Bà M và ông T đã thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Như T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như T và bà Vũ Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988. Thời điểm đó ông T và bà M có liên hệ để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng do chuyển nơi cư trú nhiều nơi nên thiếu giấy tờ, không hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của ông T, bà M trong thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên trong thời gian một vài năm gần đây thì thường xảy ra bất đồng quan điểm trong việc duy trì quản lý tài sản của gia đình; bên cạnh đó bản thân ông T cũng không chấp nhận với những mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội của bà M. Từ đó giữa hai người hay xảy ra lời qua tiếng lại, to tiếng với nhau. Cách đây khoảng hơn một năm thì ông T và bà M đã làm đơn ly hôn tại Tòa án sau đó đã tự hòa giải để tiếp tục về chung sống với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây cuộc sống chung cũng không được hòa thuận hay xảy ra cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau làm cho cuộc sống chung trở nên nặng nề, mệt mỏi. Do đó hiện nay bà M làm đơn ly hôn với thì ông T cũng chấp nhận ly hôn để mỗi người có sự tự do của bản thân mình.

Về con chung: Bà M và ông T sinh được ba người con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; Nguyễn Như Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1998. Các con của ông T và bà M hiện nay đều đã trưởng thành trong đó hai người con lớn đã lập gia đình còn một người con nhỏ còn sống chung với cha mẹ.

Về tài sản chung: Ông T và bà M đã thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến cũng như quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS 2015; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị không công nhận bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Như T là vợ chồng. Về án phí bà M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Bị đơn ông Nguyễn Như T có nơi cư trú tại: thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt đầy đủ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Vũ Thị M:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Như T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của bà M và anh T hòa thuận, hạnh phúc trong một thời gian dài. Tuy nhiên khoảng ba năm trở lại đây thì thường xảy ra mâu thuẫn. Theo bà M thì nguyên nhân xuất phát từ tính cách gia trưởng của ông T, tự quyết định mọi vấn đề trong gia đình, không tôn trọng ý kiến của bà M. Theo ông T, nguyên nhân xuất phát từ sự bất đồng quan điểm trong việc duy trì quản lý tài sản của gia đình; bên cạnh đó bản thân ông T cũng không chấp nhận với những mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội của bà M. Từ những mâu thuẫn đó, giữa bà M và ông T thường xảy ra lời qua tiếng lại, to tiếng với nhau. Cách đây khoảng hơn một năm thì ông T và bà M đã làm đơn ly hôn tại Tòa án sau đó đã tự hòa giải để tiếp tục về chung sống với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây cuộc sống chung cũng không được hòa thuận hay xảy ra cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau làm cho cuộc sống chung trở nên nặng nề, mệt mỏi. Do đó hiện nay bà M làm đơn ly hôn với ông T. Ông T cũng chấp nhận ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy vì trước đây khi chung sống với nhau giữa bà M và ông T không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; do đó Tòa án không hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự mà đưa ra xét xử để tuyên bố không công nhận bà M và ông T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Các con chung của bà M và ông T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Về án phí: Cần buộc bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2021/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; các điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2021/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Như T là vợ chồng.

Về án phí:

- Bà Vũ Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai số 0016183 ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2023(đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự để thi hành;
- Cc Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- Ủy ban nhân dân xã Suối Kiết;
- Lưu VP, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận